

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	3
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	5
1.1. Nội dung và nhiệm vụ kế toán	5
1.1.1. Khái niệm và điều kiện ghi nhận doanh thu.....	5
1.1.2. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh	7
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	10
1.2. Quy trình kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	10
1.2.1. Quy trình kế toán doanh thu.....	10
1.2.2. Quy trình kế toán xác định kết quả kinh doanh	22
1.3. Hình thức tổ chức công tác kế toán trong Doanh nghiệp.....	30
1.3.1. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán phân tán.....	30
1.3.2. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung.....	30
1.3.3. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán vừa tập trung vừa phân tán (kết hợp)	30
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH ĐÍCH CHÍNH	32
2.1. Giới thiệu chung về chi nhánh công ty TNHH Đích Chính.....	32
2.1.2. Ngành nghề kinh doanh	32
2.1.3. Cơ cấu tổ chức của chi nhánh công ty TNHH Đích Chính.....	33
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán.....	35
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH Đích Chính tháng 04 năm 2010	37
2.2.1. Kế toán doanh thu	37
2.2.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	45

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH ĐÍCH CHÍNH 96

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH Đích Chính..... 96

3.1.1. Ưu điểm..... 96

3.1.2. Hạn chế..... 97

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh Công ty TNHH Đích Chính..... 98

3.2.1. Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán 98

3.2.2. Hiện đại hoá công tác kế toán và đội ngũ kế toán 100

3.2.3. Khuyến khích những chính sách ưu đãi khách hàng trong quá trình tiêu thụ hàng hoá và cung cấp dịch vụ 101

3.2.4. Mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá của Chi nhánh công ty TNHH Đích Chính 101

3.2.5. Chuyển sang áp dụng chế độ kế toán theo QĐ 48/2006 102

KẾT LUẬN 104

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trước những biến đổi sâu sắc của nền kinh tế toàn cầu, mức độ cạnh tranh về hàng hóa, dịch vụ giữa các doanh nghiệp Việt trên thị trường trong nước và quốc tế ngày càng khốc liệt hơn, nhất là khi Việt Nam đã gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), điều này mang lại cho các doanh nghiệp Việt Nam nhiều cơ hội vô cùng lớn nhưng đồng thời cũng tạo ra nhiều thử thách hơn. Chính vì vậy mà mỗi doanh nghiệp không những phải tự lực vươn lên trong quá trình sản xuất kinh doanh mà còn phải biết phát huy tối đa tiềm năng của mình để đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất. Bên cạnh các phương thức xúc tiến thương mại để đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ với mục đích cuối cùng là đem lại lợi nhuận cao, các doanh nghiệp còn phải biết nắm bắt những thông tin, số liệu cần thiết, chính xác từ bộ phận kế toán để kịp thời đáp ứng các yêu cầu của nhà quản lý, công khai tài chính để thu hút nhà đầu tư, tham gia vào các thị trường tài chính, trong đó “công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh” là một bộ phận không thể thiếu.

Tuy nhiên, công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh hiện nay vẫn còn nhiều bất cập, một phần không nhỏ các doanh nghiệp tuân thủ một cách máy móc theo các quy định mà chưa chú trọng đến tính phù hợp đối với doanh nghiệp mình, trong đó có Chi nhánh Công ty TNHH Đích Chính, nơi em đã thực tập. Đề tài này cũng đã được đề cập đến trong nhiều công trình nghiên cứu, song còn chưa sáng tỏ.

Xuất phát từ sự cần thiết cả về lý luận và thực tiễn nêu trên, em đã chọn nghiên cứu đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Đích Chính”.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Trên cơ sở tìm hiểu tổng quan về công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, đồng thời qua nghiên cứu thực trạng công tác

này tại Chi nhánh Công ty TNHH Đích Chính, em xin trình bày một số giải pháp nhằm hoàn thiện vấn đề được nghiên cứu thông qua bài khóa luận này.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Phạm vi nghiên cứu: Khóa luận trình bày kết quả nghiên cứu về “Công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh” tại Chi nhánh Công ty TNHH Đích Chính.

4. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề tài

Khóa luận đã góp phần làm sáng tỏ về “Công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp”.

Về mặt thực tiễn, có thể áp dụng kết quả nghiên cứu của đề tài để nâng cao hiệu quả công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Đích Chính. Hơn nữa, kết quả này còn được ứng dụng trong các đơn vị kế toán có đặc điểm tương tự với Chi nhánh Công ty TNHH Đích Chính.

5. Kết cấu của khóa luận

Phần nội dung chính của khóa luận được xây dựng gồm 3 chương, cụ thể:

Chương 1: Tổng quan về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH Đích Chính.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH Đích Chính.

Với kiến thức tích lũy còn hạn chế, phạm vi đề tài rộng và thời gian thực tế chưa có nhiều nên bài viết khó tránh khỏi những thiếu sót, em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo, các cô chú, anh chị trong phòng kế toán Chi nhánh Công ty TNHH Đích Chính để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG 1**TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. Nội dung và nhiệm vụ kế toán****1.1.1. Khái niệm và điều kiện ghi nhận doanh thu****1.1.1.1. Một số khái niệm**

Bán hàng (hay tiêu thụ hàng hoá) là giai đoạn cuối cùng của quá trình tuần hoàn vốn trong doanh nghiệp, nó là quá trình thực hiện về mặt giá trị của hàng hoá. Trong mỗi quan hệ này, doanh nghiệp phải chuyển giao hàng hoá cho người mua và người mua phải chuyển giao cho doanh nghiệp số tiền mua hàng tương ứng với giá trị của hàng hoá đó.

Vậy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Tuy nhiên, trong quá trình bán hàng cũng phát sinh một số trường hợp mà doanh nghiệp thường không mong muốn vì nó làm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm sút. Đó là các khoản giảm trừ doanh thu, bao gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai qui cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- Hàng bán bị trả lại: Là doanh thu của khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Được xác định bằng giá trị của các khoản đã thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm những khoản nêu trên, thì còn có thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu và giá trị gia tăng (nếu theo phương pháp trực tiếp).

Doanh thu hoạt động tài chính: Là số tiền thu được từ các hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như lãi tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Tiền lãi; thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (Bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm vi tính...); cổ tức, lợi nhuận được chia; thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;...

Thu nhập khác: Là khoản tiền thu được góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ những hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng,...

1.1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

1.1.2. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1. Khái niệm:

Xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là số chênh lệch giữa tổng thu nhập thuần với tổng số chi phí của các hoạt động kinh tế đã thực hiện.

1.1.2.2. Công thức xác định:

Kết quả hoạt động kinh doanh = Tổng thu - Tổng chi

Trong đó:

➤ Tổng thu gồm:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Doanh thu hoạt động tài chính.
- Thu nhập khác.

➤ Tổng chi gồm:

- Giá vốn hàng bán.
- Chi phí tài chính.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí khác.

Nếu chưa tính đến chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp thì kết quả nêu trên là lợi nhuận kế toán trước thuế (còn gọi là lợi nhuận thực hiện), đây là chỉ tiêu được quan tâm chủ yếu trong kế toán quản trị; nếu đã bù đắp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp thì kết quả nêu trên là lợi nhuận sau thuế, đây là chỉ tiêu được quan tâm chủ yếu trong kế toán tài chính.

Sở dĩ trong kế toán quản trị, lợi nhuận kế toán trước thuế là chỉ tiêu kết quả được quan tâm hơn xuất phát từ mục tiêu của nhà quản trị là tìm ra các giải pháp nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là nghĩa vụ của doanh nghiệp với nhà nước, khó có mà tác động làm giảm chỉ tiêu này, do vậy

muốn tối đa hóa lợi nhuận chỉ còn cách tìm ra các giải pháp tác động nhằm tăng lợi nhuận kế toán trước thuế. Trong khi đó, các đối tượng nhận thông tin kế toán tài chính không chỉ quan tâm đến lợi nhuận của doanh nghiệp mà còn quan tâm đến việc doanh nghiệp đóng góp vào ngân sách nhà nước như thế nào thông qua việc thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp, do vậy chỉ tiêu được quan tâm hơn trong kế toán tài chính đó là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.2.3. Cách xác định các chỉ tiêu trên:

➤ Lợi nhuận sau thuế:

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = \text{Lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

➤ Lợi nhuận kế toán trước thuế:

$$\text{Lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

➤ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận gộp} & & \text{Doanh} & & \text{Chi} & & \text{Chi} & & \text{Chi phí} \\ \text{thuần từ} & & \text{về bán hàng và} & & \text{thu hoạt} & & \text{phí} & & \text{phí} & & \text{quản lý} \\ \text{hoạt động} & = & \text{cung cấp dịch} & + & \text{động tài} & - & \text{tài} & - & \text{bán} & - & \text{doanh} \\ \text{kinh doanh} & & \text{vụ} & & \text{chính} & & \text{chính} & & \text{hàng} & & \text{nghiệp} \end{matrix}$$

➤ Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:

$$\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

➤ Lợi nhuận khác:

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

1.1.2.4. Giải thích các thuật ngữ trên:

➤ Giá vốn hàng bán: là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là

tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

➤ Chi phí tài chính: Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp. Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí lãi vay, vốn kinh doanh các khoản dài hạn và ngắn hạn, chi phí hoạt động liên doanh, chi phí cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn, chi phí về mua bán ngoại tệ, chi phí cho thuê tài sản thuê cơ sở hạ tầng, chi phí đầu tư tài chính khác.

➤ Chi phí bán hàng: Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

➤ Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn công ty. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuế phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

➤ Chi phí khác: Chi phí khác bao gồm các khoản chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: Chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp chủ yếu thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh, hiện có và tình hình biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo tiêu chuẩn số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

1.2. Quy trình kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1. Quy trình kế toán doanh thu

Chỉ tiêu doanh thu được đề cập trong nội dung này là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511). Quy trình kế toán được trình bày theo trình tự nhất định sau:

Nghiệp vụ kinh tế → Chứng từ kế toán → Sổ kế toán → Báo cáo kế toán

1.2.1.1. Chứng từ kế toán

Chứng từ kế toán được sử dụng trong một số trường hợp cụ thể:

➤ Bán hàng trực tiếp

- *Khái niệm:* Bán hàng trực tiếp là phương thức giao hàng trực tiếp cho khách hàng tại kho, tại quầy, hay tại các phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sản phẩm bàn giao cho khách hàng được coi là tiêu thụ khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán. Bán hàng trực tiếp bao gồm bán buôn và bán lẻ.

- *Chứng từ kế toán:*

✓ Bán buôn theo đơn đặt hàng: Đơn đặt hàng → phiếu xuất kho → hóa đơn (liên 3: giao cho phòng kế toán) → phiếu thu (nếu thu bằng tiền mặt), giấy báo Có (nếu thu bằng chuyển khoản).

✓ Bán lẻ: Phiếu xuất kho → hóa đơn → phiếu thu.

➤ *Chuyển hàng theo hợp đồng*

- *Khái niệm:* Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao thì số hàng này mới được coi là tiêu thụ. Bán hàng theo phương thức này gồm hai loại bán buôn và bán lẻ, song phương thức giao hàng không tại kho hoặc đơn vị sản xuất mà giao tại bên mua hoặc tại các cửa hàng tiêu thụ.

- *Chứng từ kế toán:* Phiếu xuất kho → hóa đơn (khi bên khách hàng chấp nhận) → phiếu thu (nếu thu bằng tiền mặt), giấy báo Có (nếu thu bằng chuyển khoản).

➤ *Gửi bán qua đại lý*

- *Khái niệm:* Gửi bán qua đại lý là phương thức doanh nghiệp giao cho các đại lý ký gửi để các đại lý này trực tiếp bán hàng. Bên nhận đại lý sẽ trực tiếp bán, thanh toán tiền hàng và hưởng hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Số hàng chuyển giao cho các đại lý ký gửi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi các đại lý ký gửi thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc gửi thông báo về số hàng đã bán được thì số hàng đó được coi là tiêu thụ.

- *Chứng từ kế toán:* Phiếu xuất kho → hóa đơn (khi bên đại lý bán được hàng) → phiếu thu (nếu thu bằng tiền mặt), giấy báo Có (nếu thu bằng chuyển khoản).

Sau đây là mẫu một số chứng từ kế toán:

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐƠN ĐẶT HÀNG

Số:

Kính gửi:

Công tycó nhu cầu đặt hàng tại quý công ty theo mẫu yêu cầu.

Nội dung đặt hàng như sau:

STT	Tên mặt hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng cộng				

Thời gian giao hàng:.....

.....

.....

Địa điểm giao hàng:

.....

.....

Phương thức thanh toán:

- Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Thanh toán trước 50% giá trị hợp đồng, 50% còn lại thanh toán sau khi giao hàng.

Ngày... tháng... năm...

Giám đốc công ty

Mẫu số 01-VT
Đơn vị: (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Địa chỉ: ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày ... tháng ... năm ...

Số:

Nợ:

Có:

Họ và tên người nhận hàng: Địa chỉ (bộ phận).....

Lý do xuất kho:.....

Xuất tại kho (ngăn lô):..... Địa điểm:.....

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Cộng						

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ):

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập phiếu **Người giao hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Mục đích:

Lập phiếu xuất kho nhằm mục đích theo dõi chặt chẽ số lượng vật tư, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xuất kho cho các bộ phận sử dụng trong doanh nghiệp làm căn cứ để hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, dịch vụ và kiểm tra việc sử dụng, thực hiện định mức tiêu hao vật tư.

Phương pháp và trách nhiệm ghi:

Góc bên trái của Phiếu xuất kho phải ghi rõ tên của đơn vị (hoặc đóng dấu đơn vị), bộ phận xuất kho. Phiếu xuất kho phải lập cho một hoặc nhiều thứ vật tư, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa cùng một kho dùng cho một đối tượng hạch toán chi phí hoặc cùng một mục đích.

Khi lập Phiếu xuất kho phải ghi rõ: Họ tên người nhận hàng, tên, đơn vị (bộ phận); số và ngày, tháng, năm lập phiếu; lý do xuất kho và kho xuất vật tư, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.

Cột A, B, C, D: Ghi số thứ tự, tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, mã số và đơn vị tính của vật tư, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.

Cột 1: Ghi số lượng vật tư, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa theo yêu cầu xuất kho của người (bộ phận) sử dụng.

Cột 2: Thủ kho ghi số lượng thực tế xuất kho (số lượng thực tế xuất kho chít có thể bằng hoặc ít hơn số lượng yêu cầu).

Cột 3, 4: Kế toán ghi đơn giá (tùy theo quy định hạch toán của doanh nghiệp) và tính thành tiền của từng loại vật tư, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xuất kho (cột 4 = cột 2 x cột 3).

Dòng Cộng: Ghi tổng số tiền của số vật tư, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa thực tế đã xuất kho.

Dòng Tổng số tiền viết bằng chữ: Ghi tổng số tiền viết bằng chữ trên Phiếu xuất kho.

Phiếu xuất kho do các bộ phận xin lĩnh hoặc do bộ phận quản lý, bộ phận kho lập (tùy theo tổ chức quản lý và quy định của từng doanh nghiệp) thành 3 liên

(đặt giấy than viết 1 lần). Sau khi lập phiếu xong người lập phiếu và kế toán trưởng ký xong chuyển cho giám đốc hoặc người được ủy quyền duyệt (ghi rõ họ tên) giao cho người nhận cầm phiếu xuất kho xuống kho để nhận hàng. Sau khi xuất kho thủ kho ghi vào cột 2 số lượng thực xuất của từng thứ, ghi ngày tháng, năm xuất kho và cùng người nhận hàng ký tên vào phiếu xuất (ghi rõ họ tên).

Liên 1: Lưu ở bộ phận lập phiếu.

Liên 2 : Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán để kế toán ghi vào cột 3,4 và ghi vào sổ kế toán.

Liên 3 : Người nhận vật tư, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa giữ để theo dõi ở bộ phận sản xuất.

Mẫu số: 01 GTKT – 3LL
Số HĐ

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Giao cho phòng kế toán
Ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị bán hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... MS:

Họ tên người mua hàng:

Đơn vị:

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán: MS:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
Cộng tiền hàng					
Thuế suất GTGT:		Tiền thuế GTGT			
Tổng thanh toán					

Số tiền bằng chữ:

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Người bán hàng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hóa đơn GTGT (mẫu số 01GTGT-3LL): là chứng từ của đơn vị bán lập, xác nhận số lượng, chất lượng, đơn giá và số tiền bán sản phẩm, hàng hóa cho người mua, cũng là chứng từ cho người mua vận chuyển trên đường, lập phiếu nhập kho, thanh toán tiền mua hàng và ghi sổ kế toán.

Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên:

Liên 1: (Màu tím) Liên gốc lưu tại quyển hoá đơn

Liên 2: (Màu đỏ) Giao cho khách hàng và ghi sổ kế toán đơn vị khách hàng.

Liên 3: (Màu xanh) Dùng để thanh toán và ghi sổ kế toán.

Trên Hoá đơn phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Ngày, tháng, năm phát sinh nghiệp vụ, số Hoá đơn.
- Tên đơn vị bán hàng (cung cấp dịch vụ), địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, hình thức thanh toán.
- Tên hàng hoá (dịch vụ cung cấp), số lượng, đơn giá, thành tiền, chiết khấu (nếu có), lệ phí dầu (đối với Hoá đơn bán dầu), thuế GTGT, tổng tiền thanh toán.

Đơn vị:
Địa chỉ:

Mẫu số 01-TT
(Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU
Ngày ... tháng ... năm...

Quyển số:.....
Số:.....
Số nợ:.....
Số có:.....

Họ và tên người nộp tiền:
Địa chỉ:
Lý do nộp:
Số tiền:(viết bằng chữ):.....

Kèm theo: ... chứng từ gốc.

Ngày ... tháng ... năm ...

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ)
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý)
+ Số tiền quy đổi
(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Mục đích:

- Nhằm xác định số tiền mặt, ngoại tệ ... thực tế nhập quỹ và làm căn cứ để thủ quỹ thu tiền, ghi sổ quỹ, kế toán ghi sổ các khoản thu có liên quan. Mọi khoản tiền việt nam, ngoại tệ nhập quỹ đều phải có phiếu thu.

- Đối với ngoại tệ trước khi nhập quỹ phải được kiểm tra và lập “ bảng kê ngoại tệ” đính kèm với phiếu thu.

Phương pháp và trách nhiệm ghi:

- Góc bên trái của Phiếu thu phải ghi rõ tên đơn vị, địa chỉ đơn vị.

- Phiếu thu phải đóng thành quyển và ghi số từng quyển dùng trong 1 năm. Trong mỗi Phiếu thu phải ghi số quyển và số của từng Phiếu thu. Số Phiếu thu phải đánh liên tục trong 1 kỳ kế toán. Từng Phiếu thu phải ghi rõ ngày, tháng, năm lập Phiếu, ngày, tháng, năm thu tiền.

- Ghi rõ họ, tên, địa chỉ người nộp tiền.

- Dòng “Lý do nộp” ghi rõ nội dung nộp tiền như: Thu tiền bán hàng hóa, sản phẩm, thu tiền tạm ứng còn thừa, ...

- Dòng “Số tiền” ghi bằng số và bằng chữ số tiền nộp quỹ, ghi rõ đơn vị tính bằng đồng VN hay USD...

- Dòng tiếp theo ghi số lượng chứng từ gốc kèm theo Phiếu thu.

Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên, ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu và ký vào Phiếu thu, sau đó chuyển cho kế toán trưởng soát xét và giám đốc ký duyệt, chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ. Sau khi đã nhận đủ số tiền, thủ quỹ ghi số tiền thực tế nhập quỹ (bằng chữ) và Phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên.

Thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nộp tiền, 1 liên lưu nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ Phiếu thu kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

Tên đơn vị:.....

GIẤY BÁO CÓ

Ngày ... tháng ... năm ... Mã GDV:

Mã KH :.....

Số GD :.....

Kính gửi:

Mã số thuế:

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ:

Số tiền bằng số:

Số tiền bằng chữ:

Nội dung:

Giao dịch viên

Kiểm soát

1.2.1.2. Sổ kế toán

Từ các chứng từ kế toán trên, kế toán lấy số liệu để ghi vào các sổ kế toán cụ thể.

➤ *Đối với kế toán tổng hợp:*

Tùy vào từng hình thức kế toán mà doanh nghiệp chọn mà kế toán tổng hợp sử dụng các sổ kế toán khác nhau.

- *Hình thức Nhật ký chung:* Sổ Nhật ký chung hoặc Sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có) → Sổ Cái TK 511 → Bảng cân đối số phát sinh.

- *Hình thức Nhật ký - Sổ Cái:* Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

- *Hình thức Nhật ký - Chứng từ:* Bảng kê số 8, số 10, số 11 → Nhật ký chứng từ số 8 → Sổ Cái TK 511.

- *Hình thức Chứng từ ghi sổ:* Chứng từ ghi sổ → Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ → Sổ Cái TK 511 → Bảng cân đối số phát sinh.

➤ *Đối với kế toán chi tiết:*

Các loại sổ, thẻ kế toán chi tiết sử dụng gồm có:

- Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt (Mẫu số S07a-DN).
- Sổ tiền gửi ngân hàng (Mẫu số S08-DN).
- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) (Mẫu số S10-DN).
- Thẻ kho (Sổ kho) (Mẫu số S12-DN).
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) (Mẫu số S31-DN).
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) bằng ngoại tệ (Mẫu số S31-DN).
- Sổ chi tiết bán hàng (Mẫu số S35-DN).
- Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh (Mẫu số S36-DN).

1.2.1.3. Báo cáo kế toán

Cuối kỳ kế toán đối chiếu số liệu giữa Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết). Nếu khớp đúng thì sẽ được dùng để lập Báo cáo tài chính. Cụ thể:

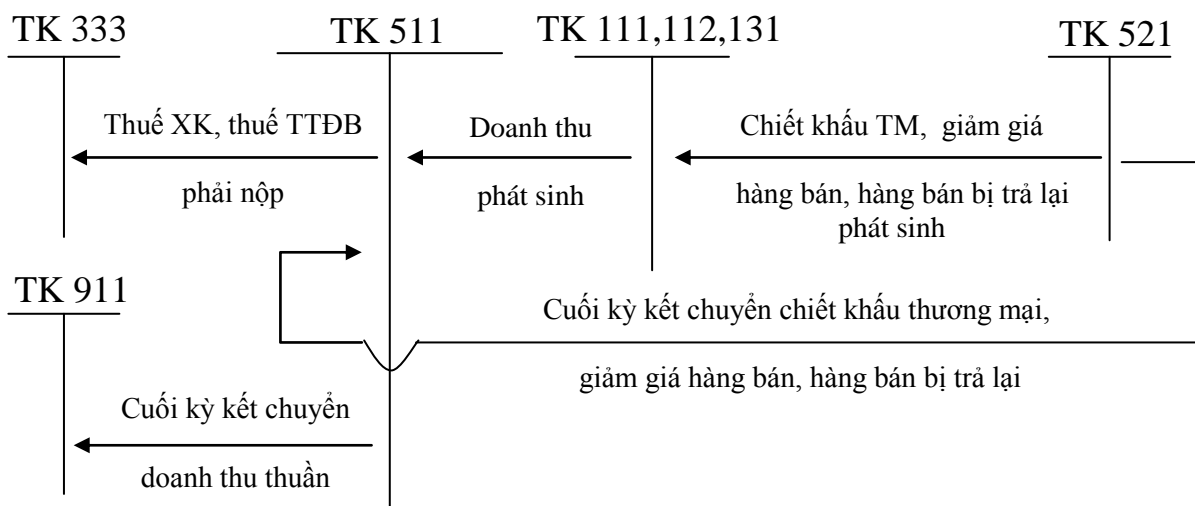
Báo cáo kết quả kinh doanh:

- Chỉ tiêu 1 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Chỉ tiêu 3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Sơ đồ 1.1: Kế toán hạch toán doanh thu bán hàng và cung và cung cấp dịch vụ

(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)



1.2.2. Quy trình kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.2.1 Giá vốn hàng bán

Tài khoản sử dụng: TK 632

Các phương pháp tính giá xuất kho:

- Phương pháp bình quân gia quyền:

- ✓ Giá vốn bình quân gia quyền được tính trong hai trường hợp sau:
- ✓ Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ nghĩa là chỉ đến cuối kỳ kế toán tính giá đơn vị bình quân một lần:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Tổng trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Tổng lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

- ✓ Giá vốn đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn) nghĩa là kế toán chỉ được tính giá đơn vị bình quân sau lần nhập kê trước ngày xuất. Giữa các lần xuất trong tháng không có lần nhập xen kẽ thì đơn giá xuất không thay đổi.

$$\frac{\text{Đơn giá xuất kho}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

- *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*: kế toán giả định hàng nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau.
- *Phương pháp nhập sau, xuất sau (LIFO)*: kế toán giả định hàng nhập sau sẽ xuất trước, xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước.
- *Phương pháp giá đích danh*: giá của hàng tồn kho sẽ giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất ra. Xuất loại nào, lấy loại đó.

Quy trình kế toán giá vốn:

- *Chứng từ kế toán*: Phiếu xuất kho → Hóa đơn.
- *Sổ kế toán*:
 - + *Đối với kế toán tổng hợp*:
 - ✓ *Hình thức Nhật ký chung*: Sổ Nhật ký chung hoặc Sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có) → Sổ Cái TK 632 → Bảng cân đối số phát sinh.
 - ✓ *Hình thức Nhật ký - Sổ Cái*: Sổ Nhật ký - Sổ Cái.
 - ✓ *Hình thức Nhật ký - Chứng từ*: Bảng kê số 8, số 10, số 11 → Nhật ký chứng từ số 8 → Sổ Cái TK 632.
 - ✓ *Hình thức Chứng từ ghi sổ*: Chứng từ ghi sổ → Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ → Sổ Cái TK 632 → Bảng cân đối số phát sinh.
 - + *Đối với kế toán chi tiết*:

Các loại sổ, thẻ kế toán chi tiết sử dụng gồm có:

 - ✓ Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) (Mẫu số S10-DN).
 - ✓ Thẻ kho (Sổ kho) (Mẫu số S12-DN).
 - ✓ Sổ chi tiết bán hàng (Mẫu số S35-DN).
 - ✓ Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh (Mẫu số S36-DN).
- *Báo cáo kế toán*: chỉ tiêu 4 - Giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

1.2.2.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản sử dụng: TK 515

Quy trình kế toán doanh thu tài chính :

- *Chứng từ kế toán:* Phiếu thu, Giấy báo Có.

- *Sổ kế toán:*

+ *Đối với kế toán tổng hợp:*

✓ *Hình thức Nhật ký chung:* Sổ Nhật ký chung hoặc Sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có) → Sổ Cái TK 515 → Bảng cân đối số phát sinh.

✓ *Hình thức Nhật ký - Sổ Cái:* Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

✓ *Hình thức Nhật ký - Chứng từ:* Nhật ký chứng từ số 8 → Sổ Cái TK 515.

✓ *Hình thức Chứng từ ghi sổ:* Chứng từ ghi sổ → Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ → Sổ Cái TK 515 → Bảng cân đối số phát sinh.

+ *Đối với kế toán chi tiết:*

Các loại sổ, thẻ kế toán chi tiết sử dụng gồm có:

✓ Sổ chi tiết TK 515.

- *Báo cáo kế toán:* chỉ tiêu 6 - Doanh thu hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

1.2.2.3 Chi phí tài chính

TK sử dụng: TK 635

Quy trình kế toán chi phí tài chính :

- *Chứng từ kế toán:* Phiếu chi, Giấy báo Nợ.

- *Sổ kế toán:*

+ *Đối với kế toán tổng hợp:*

✓ *Hình thức Nhật ký chung:* Sổ Nhật ký chung hoặc Sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có) → Sổ Cái TK 635 → Bảng cân đối số phát sinh.

✓ *Hình thức Nhật ký - Sổ Cái:* Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

✓ *Hình thức Nhật ký - Chứng từ:* Bảng kê số 6, số 11 → Nhật ký - Chứng từ số 1, số 2, số 8, số 10 → Sổ Cái TK 635.

✓ *Hình thức Chứng từ ghi sổ:* Chứng từ ghi sổ → Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ → Sổ Cái TK 635 → Bảng cân đối số phát sinh.

+ *Đối với kế toán chi tiết:*

Các loại sổ, thẻ kế toán chi tiết sử dụng gồm có:

✓ Sổ chi tiết TK 635.

✓ Sổ chi tiết tiền vay.

- Báo cáo kế toán: chỉ tiêu 7 - Chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

1.2.2.4 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

TK sử dụng:

- TK 641: Chi phí bán hàng

- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Quy trình kế toán:

- Chứng từ kế toán: Bảng chấm công, Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, Bảng thanh toán tiền lương; Phiếu xuất kho, Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ; Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ; Hóa đơn điện, nước, điện thoại, Phiếu chi, Giấy báo nợ....

- Sổ kế toán:

+ Đối với kế toán tổng hợp:

✓ Hình thức Nhật ký chung: Sổ Nhật ký chung hoặc Sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có) → Sổ Cái TK 641, 642 → Bảng cân đối số phát sinh.

✓ Hình thức Nhật ký - Sổ Cái: Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

✓ Hình thức Nhật ký - Chứng từ: Bảng kê số 5 → Nhật ký chứng từ số 8 → Sổ Cái TK 641, 642.

✓ Hình thức Chứng từ ghi sổ: Chứng từ ghi sổ → Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ → Sổ Cái TK 641, 642 → Bảng cân đối số phát sinh.

+ Đối với kế toán chi tiết:

Các loại sổ, thẻ kế toán chi tiết sử dụng gồm có:

✓ Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt (Mẫu số S07a-DN).

✓ Sổ tiền gửi ngân hàng (Mẫu số S08-DN).

✓ Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) (Mẫu số S10-DN).

✓ Thẻ kho (Sổ kho) (Mẫu số S12-DN).

✓ Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh (Mẫu số S36-DN).

✓ Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) (Mẫu số S31-DN).

- Báo cáo kế toán: chỉ tiêu 8 và 9 - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

1.2.2.5 Thu nhập khác

TK sử dụng: TK 711

Quy trình kế toán:

- *Chứng từ kế toán:* Phiếu thu, Giấy báo có, Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ, Hóa đơn GTGT...

- *Sổ kế toán:*

+ *Đối với kế toán tổng hợp:*

✓ *Hình thức Nhật ký chung:* Sổ Nhật ký chung hoặc Sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có) → Sổ Cái TK 711 → Bảng cân đối số phát sinh.

✓ *Hình thức Nhật ký - Sổ Cái:* Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

✓ *Hình thức Nhật ký - Chứng từ:* Bảng kê số 1, số 2, số 11 → Nhật ký - Chứng từ số 8 → Sổ Cái TK 711.

✓ *Hình thức Chứng từ ghi sổ:* Chứng từ ghi sổ → Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ → Sổ Cái TK 711 → Bảng cân đối số phát sinh.

+ *Đối với kế toán chi tiết:*

Các loại sổ, thẻ kế toán chi tiết sử dụng gồm có:

✓ Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt (Mẫu số S07a-DN).

✓ Sổ tiền gửi ngân hàng (Mẫu số S08-DN).

✓ Sổ tài sản cố định (Mẫu số S21-DN).

✓ Sổ theo dõi TSCĐ và CCDC tại nơi sử dụng (Mẫu số S22-DN).

✓ Thẻ TSCĐ (Mẫu số S23-DN)

✓ Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh (Mẫu số S36-DN).

✓ Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) (Mẫu số S31-DN).

- *Báo cáo kế toán:* chỉ tiêu 11 - Thu nhập khác trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

1.2.2.6 Chi phí khác

TK sử dụng: TK 811

Quy trình kế toán:

- *Chứng từ kế toán:* Phiếu thu, Giấy báo có, Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ, Hóa đơn GTGT...

- *Sổ kế toán:*

+ *Đối với kế toán tổng hợp:*

✓ *Hình thức Nhật ký chung:* Sổ Nhật ký chung hoặc Sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có) → Sổ Cái TK 811 → Bảng cân đối số phát sinh.

✓ *Hình thức Nhật ký - Sổ Cái:* Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

✓ *Hình thức Nhật ký - Chứng từ:* Bảng kê số 1, số 2, số 11 → Nhật ký - Chứng từ số 1, 2, 8, 9 → Sổ Cái TK 811.

✓ *Hình thức Chứng từ ghi sổ:* Chứng từ ghi sổ → Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ → Sổ Cái TK 811 → Bảng cân đối số phát sinh.

+ *Đối với kế toán chi tiết:*

Các loại sổ, thẻ kế toán chi tiết sử dụng gồm có:

✓ Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt (Mẫu số S07a-DN).

✓ Sổ tiền gửi ngân hàng (Mẫu số S08-DN).

✓ Sổ tài sản cố định (Mẫu số S21-DN).

✓ Sổ theo dõi TSCĐ và CCDC tại nơi sử dụng (Mẫu số S22-DN).

✓ Thẻ TSCĐ (Mẫu số S23-DN)

✓ Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh (Mẫu số S36-DN).

✓ Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) (Mẫu số S31-DN).

- *Báo cáo kế toán:* chỉ tiêu 12 - Chi phí khác trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

1.2.2.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

TK sử dụng: TK 821 gồm 2 TK cấp 2:

- TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Quy trình kế toán

Hàng quý, kế toán căn cứ vào tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp vào chi phí thuế TNDN.

Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế, nếu số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế phải nộp cho năm đó, kế toán ghi nhận số thuế TNDN hiện hành phải nộp thêm vào chi phí thuế TNDN hiện hành. Nếu số thuế thu nhập hiện hành tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp

cho năm đó, kê toán phải ghi giảm chi phí thuế thu nhập hiện hành là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hiện hành tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp.

Trường hợp phát hiện sai sót không trọng yếu liên quan đến khoản thuế TNDN phải nộp của các năm trước, doanh nghiệp được hạch toán tăng (hoặc giảm) số thuế TNDN phải nộp của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành của năm phát hiện sai sót.

Cuối năm tài chính kế toán kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm vào TK 911 - “Xác định kết quả kinh doanh” để xác định kết quả sản xuất kinh doanh trong năm.

$$\text{Chi phí thuế thu} = \text{Lợi nhuận trước thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

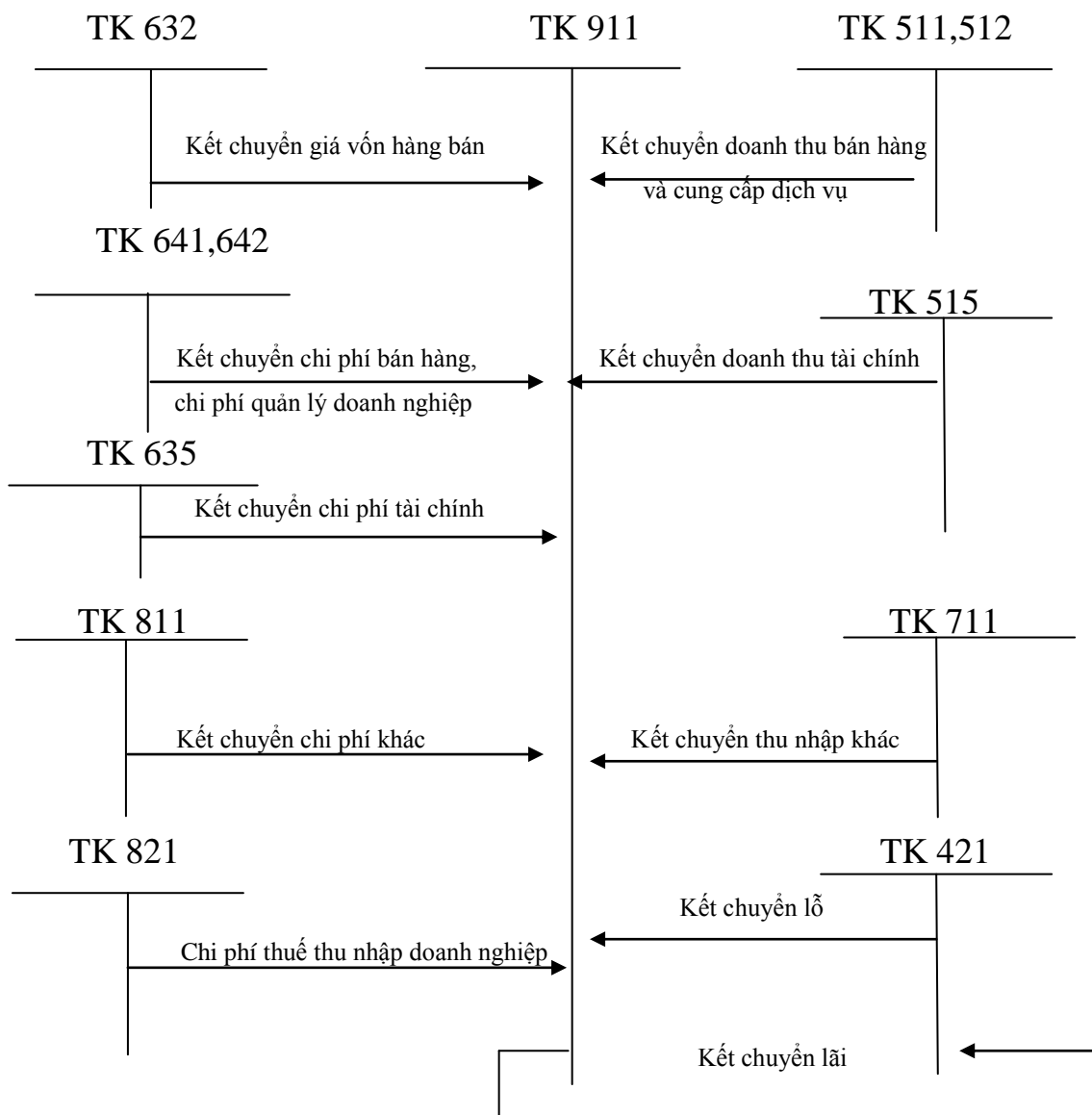
1.2.2.8. Xác định kết quả kinh doanh

TK sử dụng: TK 911

Quy trình kế toán:

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển số doanh thu bán hàng thuần vào tài khoản Xác định kết quả kinh doanh → kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như : chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý nhượng bán bất động sản → kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác → kết chuyển chi phí hoạt động tài chính và các khoản chi phí khác → kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (TK 8211) → kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ và số phát sinh bên Có TK 8212 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” → kết chuyển chi phí bán hàng → kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp → tính và kết chuyển số lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động kinh doanh hoặc Kết chuyển số lỗ hoạt động kinh doanh.

Sơ đồ 1.2: Kế toán hạch toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Hình thức tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp gồm có ba hình thức: hình thức tổ chức bộ máy kế toán phân tán, hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung và hình thức tổ chức bộ máy kế toán vừa tập trung vừa phân tán.

1.3.1. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán phân tán

Hình thức tổ chức kế toán phân tán là hình thức tổ chức mà công tác kế toán không những được tiến hành ở phòng kế toán doanh nghiệp mà còn được tiến hành ở những bộ phận khác như phân xưởng hay đơn vị sản xuất trực thuộc doanh nghiệp. Công việc kế toán ở những bộ phận khác do bộ máy kế toán ở nơi đó đảm nhận từ công việc kế toán ban đầu, kiểm tra xử lý chứng từ đến kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp một số hoặc tất cả các phần hành kế toán và lập báo cáo kế toán trong phạm vi của bộ phận theo qui định của kế toán trưởng.

Phòng kế toán của doanh nghiệp thực hiện tổng hợp số liệu từ báo cáo ở các bộ phận gửi đến, phản ánh các nghiệp vụ có tính chất chung toàn doanh nghiệp, lập báo cáo theo quy định của nhà nước đồng thời thực hiện việc hướng dẫn kiểm tra công tác kế toán của các bộ phận .

Hình thức kế toán này được vận dụng thích hợp trong các doanh nghiệp có quy mô lớn - liên hợp sản xuất kinh doanh.

1.3.2. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung là hình thức tổ chức mà toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp được tiến hành tập trung tại phòng kế toán doanh nghiệp. Ở các bộ phận khác không tổ chức bộ máy kế toán riêng mà chỉ bố trí các nhân viên làm nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra công tác kế toán ban đầu, thu nhận kiểm tra chứng từ, ghi chép sổ sách hạch toán nghiệp vụ phục vụ cho nhu cầu quản lý sản xuất kinh doanh của từng bộ phận đó, lập báo cáo nghiệp vụ và chuyển chứng từ cùng báo cáo về phòng kế toán doanh nghiệp để xử lý và tiến hành công tác kế toán.

1.3.3. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán vừa tập trung vừa phân tán (kết hợp)

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán vừa tập trung vừa phân tán là hình thức tổ

chức bộ máy kết hợp hai hình thức tổ chức trên, bộ máy tổ chức theo hình thức này gồm phòng kế toán trung tâm của doanh nghiệp và các bộ phận kế toán và nhân viên kế toán ở các bộ phận khác. Phòng kế toán trung tâm thực hiện kế toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan toàn doanh nghiệp và các bộ phận khác không tổ chức kế toán, đồng thời thực hiện tổng hợp các tài liệu kế toán từ các bộ phận khác có tổ chức kế toán gửi đến, lập báo cáo chung toàn đơn vị, hướng dẫn kiểm tra toàn bộ công tác kế toán, kiểm tra kế toán toàn đơn vị. Các bộ phận kế toán ở các bộ phận khác thực hiện công tác kế toán tương đối hoàn chỉnh các nghiệp vụ kế toán phát sinh ở bộ phận đó theo sự phân công của phòng kế toán trung tâm. Các nhân viên kế toán ở các bộ phận có nhiệm vụ thu thập chứng từ, kiểm tra và có thể xử lý sơ bộ chứng từ, định kỳ gửi chứng từ kế toán về phòng kế toán trung tâm.

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán này thường phù hợp với những đơn vị có qui mô lớn nhưng các bộ phận phụ thuộc có sự phân cấp quản lý khác nhau thực hiện công tác quản lý theo sự phân công đó.

Trong những hình thức tổ chức hình thức kế toán trên thì theo em hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung có tính ưu việt nhất vì nó gọn nhẹ, linh hoạt; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để vận dụng các phương tiện kỹ thuật tính toán hiện đại, bộ máy kế toán ít nhân viên nhưng cũng đảm bảo được việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời cho việc quản lý và chỉ đạo sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH ĐÍCH CHÍNH

2.1. Giới thiệu chung về Chi nhánh Công ty TNHH Đích Chính

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của chi nhánh công ty TNHH Đích Chính

Công ty TNHH Đích Chính có 3 chi nhánh trên toàn lãnh thổ Việt Nam:

- Chi nhánh 1 tại Hà Nội
- Chi nhánh 2 tại TP Hồ Chí Minh
- Chi nhánh 3 tại Hải Phòng

Chi nhánh Công ty TNHH Đích Chính được thành lập vào tháng 6/2000.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: REALCO., LTD.

Trụ sở chính của Chi nhánh Công ty: Số 178 Hai Bà Trưng, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Số đăng ký kinh doanh: 0202010016.

Chi nhánh Công ty TNHH Đích Chính là đơn vị thành viên hạch toán kinh tế độc lập không phụ thuộc vào Công ty TNHH Đích Chính. Chi nhánh Công ty có con dấu và tài khoản riêng, hoạt động theo luật doanh nghiệp nhà nước. Chi nhánh Công ty hoạt động theo pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của chi nhánh Công ty được Ban lãnh đạo Công ty phê duyệt.

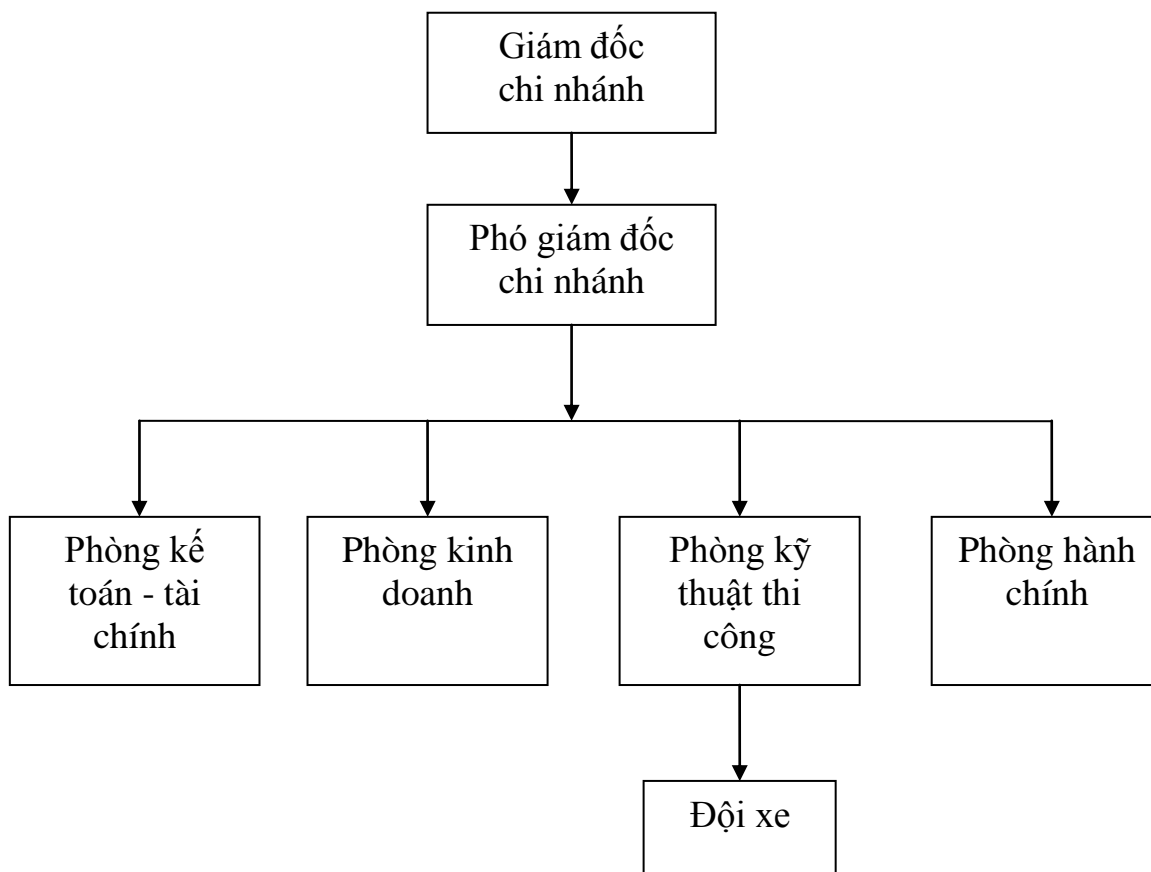
2.1.2 Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng, sửa chữa các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình hạ tầng, công trình nội ngoại thất, cấp thoát nước và san lấp mặt bằng.
- Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật liệu điện, hoá chất thông thường.
- Kinh doanh sắt thép, nguyên vật liệu xây dựng, nhiên liệu.

- Kinh doanh và dịch vụ hàng kim khí, kim loại màu, vật tư thiết bị công nông nghiệp, ô tô, xe máy, phương tiện vận tải thủy, bộ, hàng hoá thủy, bộ.
- Kinh doanh dịch vụ hàng hoá: Điện tử, điện lạnh, điện máy, sắm lốp, phụ tùng xe, máy móc thiết bị công trình, nhựa đường, thiết bị phòng cháy nổ.

Trong những ngành nghề kinh doanh nêu trên thì hoạt động xây dựng, sửa chữa các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình hạ tầng, công trình nội ngoại thất, cấp thoát nước và san lấp mặt bằng hiện đang là thế mạnh của Chi nhánh Công ty TNHH Đích Chính tại Hải Phòng.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức của chi nhánh công ty TNHH Đích Chính



Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức của chi nhánh công ty

Chức năng và nhiệm vụ các phòng ban:

Ban giám đốc: Bao gồm giám đốc và phó giám đốc.

- **Giám đốc:** là người có quyền cao nhất và phải chịu trách nhiệm trước nhà nước và công ty về mọi kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Phó giám đốc:** Hoạt động theo sự phân công ủy quyền của giám đốc và chịu trách nhiệm trước giám đốc về các lĩnh vực được giao. Ngoài ra còn phải giúp đỡ giám đốc quản lý công ty.

Các phòng ban: có nhiệm vụ theo dõi, hướng dẫn và đôn đốc việc thực hiện tiến độ công việc, lập kế hoạch cho ban giám đốc để từ đó ban giám đốc sẽ nắm được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty và đưa ra các chính sách, chiến lược mới.

- **Phòng kế toán tài chính:** Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện bảo toàn vốn cho kinh doanh và công tác chi phí trong toàn công ty, theo dõi thanh toán các khoản chi phí phát sinh, hạch toán kinh tế, tổng kết và báo cáo thanh toán tiền lương, lập quyết định, v.v...

- **Phòng kinh doanh:** Có nhiệm vụ lập kế hoạch vật tư thiết bị theo dõi và hướng dẫn đội ngũ lái xe thực hiện các quy định của công ty.

- **Phòng kỹ thuật thi công:** Là phòng rất quan trọng bởi phòng này nắm chắc các nguồn tin về các dự án đầu tư xây dựng công trình trong và ngoài nước. Về quy mô công nghệ vốn đầu tư cũng như tiến độ thi công và địa điểm từng công trình. Phòng còn tham mưu cho giám đốc dự thầu các công trình xây dựng trực tiếp.

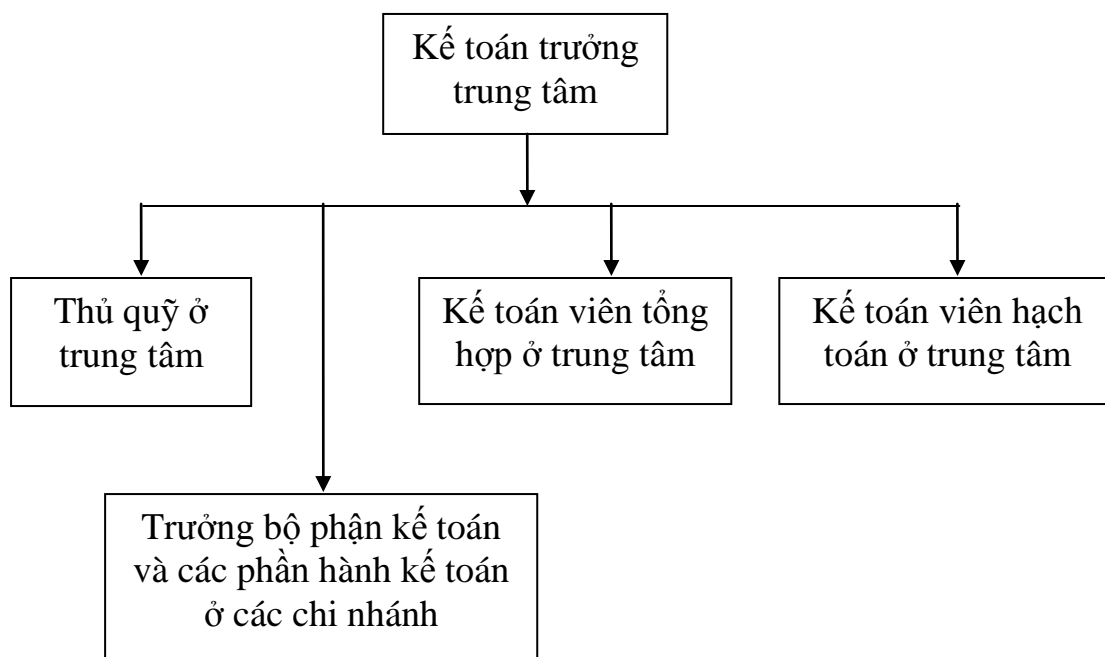
- **Phòng hành chính:** Có nhiệm vụ quản lý doanh nghiệp, lo toan cho công nhân về tất cả mọi việc như họp bàn, liên hoan, nghỉ mát v.v...

- **Đội xe:** là đơn vị trực tiếp chuyên chở và thi công các công trình mà chi nhánh công ty tiếp nhận.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán

2.1.4.1 Hình thức tổ chức công tác kế toán

Công ty TNHH Đích Chính là một công ty lớn có nhiều chi nhánh ở nhiều địa phương khác nhau, mỗi chi nhánh đều có tổ chức công tác kế toán riêng; do vậy, hình thức tổ chức kế toán mà công ty lựa chọn là vừa tập trung vừa phân tán.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức công tác kế toán của công ty

Theo mô hình trên chức năng, nhiệm vụ của từng người như sau :

- **Kế toán trưởng** : chỉ đạo tổ chức các phân hành kế toán, kiểm tra giám sát toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty, tham vấn cho giám đốc để có thể đưa ra các quyết định hợp lý. Chịu trách nhiệm chính trước ban lãnh đạo của công ty về toàn bộ hoạt động của công tác tài chính - kế toán.
- **Thủ quỹ ở trung tâm** : Có nhiệm vụ quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu với sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt.

- **Kế toán viên tổng hợp ở trung tâm** : tập hợp số liệu từ các bộ phận phòng ban, lập báo cáo tài chính, xác định kết quả và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty.

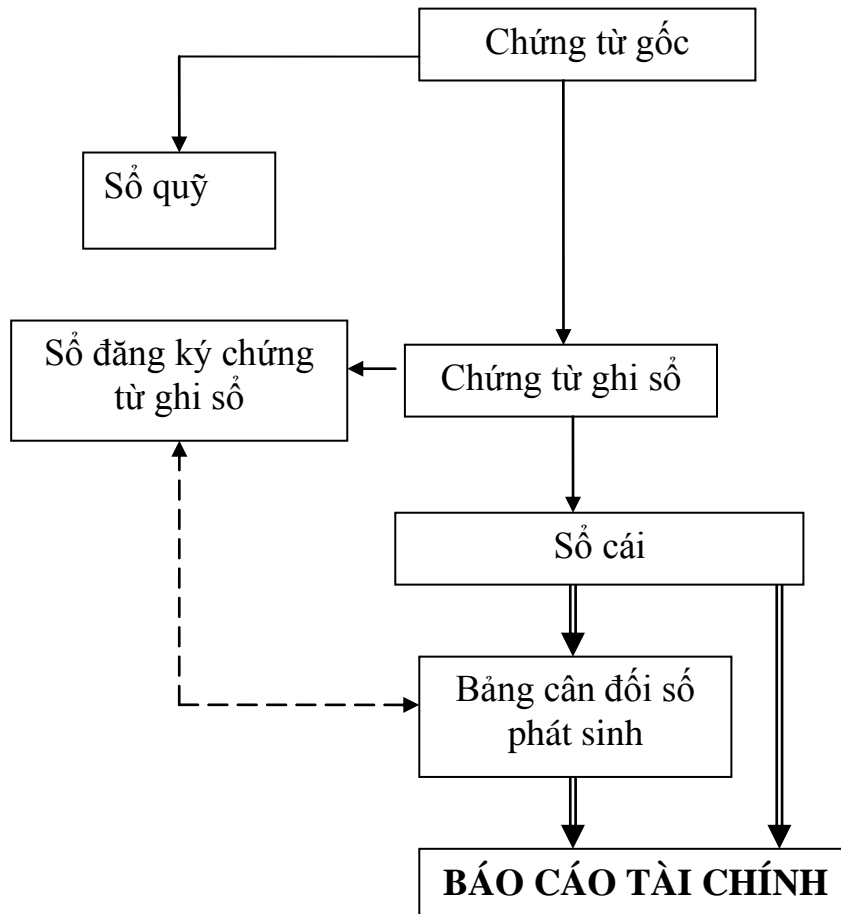
- **Kế toán viên hạch toán ở trung tâm** : có trách nhiệm hạch toán các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày ở trung tâm kịp thời vào sổ sách kế toán.

Ở các chi nhánh theo dõi trên sổ sách riêng và định kỳ gửi báo cáo về trung tâm.

2.1.4.2. Chế độ kế toán và hình thức kế toán

Chi nhánh công ty TNHH Đích Chính áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định 15 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh; căn cứ vào yêu cầu quản lý cũng như điều kiện trang bị phương tiện, kỹ thuật tính toán, xử lý thông tin, chi nhánh công ty TNHH Đích Chính tại Hải Phòng đã lựa chọn vận dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính (Excel) để hệ thống hoá, tổng hợp số liệu kế toán.



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán của chi nhánh công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày	—————→
Ghi cuối tháng, cuối kỳ	══════════→
Đối chiếu, kiểm tra	←-----→

Hàng tháng căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán lập chứng từ ghi sổ, căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái.

Cuối tháng phải khóa sổ, tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tính ra tổng số phát sinh nợ, tổng số phát sinh có và số dư của từng tài khoản trên sổ cái. Căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối và phát sinh. Sau đó lập báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh nợ, tổng số phát sinh có của tất cả các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tổng số ghi nợ và tổng số dư có của tài khoản trên có của tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Đích Chính tháng 04 năm 2010

2.2.1. Kế toán doanh thu

2.2.1.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- *Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn giá trị gia tăng bán và cung cấp dịch vụ gồm 3 liên:
 - ✓ Liên 1: Màu tím được lưu lại quyền hóa đơn.
 - ✓ Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng.
 - ✓ Liên 3: Màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán.
- Phiếu thu về bán và cung cấp dịch vụ.
- Giấy báo có của ngân hàng.

- *Sổ sách sử dụng:*

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ cái tài khoản 511.

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng:

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- TK 111, 112, 131: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng.

2.2.1.3. Quy trình hạch toán:

Khi phát sinh các hoạt động liên quan đến doanh thu, kế toán ghi hóa đơn GTGT, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 giữ lại để ghi sổ kế toán. Kế toán ghi phiếu thu, thủ quỹ nhận tiền, phản ánh vào sổ quỹ nếu doanh nghiệp nhận tiền mặt; và ghi vào sổ tiền gửi ngân hàng nếu nhận qua chuyển khoản. Sau đó, Kế toán định khoản và ghi chứng từ ghi sổ. Cuối tháng, phản ánh các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến doanh thu vào Sổ cái các tài khoản liên quan.

Ví dụ 2.1:

Ngày 18 tháng 04 năm 2010, chở tôn và thép hình cho công ty TM Phú Sơn theo hóa đơn GTGT số 0120020, tổng tiền thanh toán là 16.327.500 (VAT 5%), đã thu bằng tiền mặt.

Các chứng từ và sổ sách liên quan:

- Biểu số 2.1: Hoá đơn giá trị gia tăng số 0120020
- Biểu số 2.2: Phiếu thu quyền 04 số 20
- Biểu số 2.3: Chứng từ ghi sổ số 34/04
- Biểu số 2.4: Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ tháng 04/2010
- Biểu số 2.5: Sổ Cái TK 511

Biểu số 2.1: Hoá đơn giá trị gia tăng số 0120020

Mẫu số: 01 GTKT – 3LL
 LT/ 2010B 0120020

**HÓA ĐƠN
 GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ

Ngày 18 tháng 04 năm 2010

Đơn vị bán hàng: ...Chi nhánh công ty TNHH Đích Chính.....

Địa chỉ: ...Số 178, Hai bà Trưng, Lê Chân, HP.....

Điện thoại:..... MS:

Họ tên người mua hàng:

Đơn vị: ...Công ty TM Phú Sơn.....

Địa chỉ: ...Kiến An, HP.....

Hình thức thanh toán: .Tiền mặt.. MS:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Chở tôn và thép hình	Tấn	124,4	125.000	15.550.000
Cộng tiền hàng					15.550.000
Thuế suất GTGT: 5% Tiền thuế GTGT					777.500
Tổng thanh toán					16.327.500

Số tiền bằng chữ: *Mười sáu triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng./.*

Người mua hàng
 (Ký, họ tên)

Người bán hàng
 (Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2: Phiếu thu quyền 04 số 20

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số 01-TT
 (Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU
 Ngày 18 tháng 04 năm 2010

Quyền số: 04

Số: 20

Nợ: 111

Có: 511, 3331

Họ và tên người nộp tiền: ...Phạm Thanh Sơn.....

Địa chỉ:Cty TM Phú Sơn

Lý do nộp:Thu tiền chờ tôn và thép hình.....

Số tiền: **16.327.500**.(viết bằng chữ): **Mười sáu triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng./.**

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 18 tháng 04 năm 2010.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) . **Mười bốn triệu không trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng./.**

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý)

+ Số tiền quy đổi

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 2.3: Chứng từ ghi sổ số 34/04

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02a-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 34/04

Ngày 18 tháng 04 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Thu tiền chờ tôn và thép hình	111	511	15.550.000	
Thuế GTGT khấu trừ	111	3331	777.500	
Cộng			16.327.500	

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Người lập
 (Ký, họ tên)

Ngày 18 tháng 04 năm 2010
Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.4: Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ tháng 04/2010

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng: 4/2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1
...
34/04	18/4	16.327.000
...
68/04	29/4	162.970.926
69/04	29/4	350.923.089
70/04	29/4	100.937
71/04	29/4	162.970.926
72/04	29/4	10.476.021
73/04	29/4	36.540.000
...
79/04	29/4	11.338.648
80/04	29/4	11.338.648
81/04	29/4	34.015.944
Cộng tháng		1.577.395.695

- Sổ này có 05 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 05

- Ngày mở sổ: 01/04

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đánh dấu)

Biểu số 2.5: Sổ Cái TK 511

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Dịch Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Tháng : 4/2010

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			- Số dư đầu kỳ			-	
			- Số phát sinh trong kỳ				
			...				
18/4	34/04	18/4	Thu tiền chở tôn và thép hình	111		15.550.000	
...	
19/4	37/04	19/4	Vận chuyển hàng đi QN	111		11.000.000	
29/4	53/04	29/4	Cầu vận chuyển khai phá bê tông	111		13.333.333	
...	
29/4	69/04	29/4	Kết chuyển doanh thu	911	350.923.809		
			...				
			- Cộng số phát sinh		350.923.809-	350.923.809	
			- Số dư cuối kỳ				

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang 01 số đến trang 02

- Ngày mở sổ: 01/04/1010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Ví dụ 2.2: Ngày 06 tháng 04 năm 2010, sửa chữa xe nâng hàng Fantuzi - BD cho Công ty CP tiếp vận Biển Đông. Doanh thu chưa VAT 10% là 21.000.000 đ. Công ty CP tiếp vận Biển Đông chưa thanh toán. Giá vốn sửa chữa xe nâng hàng Fantuzi - BD là 16.000.000 đ.

Các chứng từ sổ sách sử dụng:

- Biểu số 2.6: Phiếu kế toán quyền 4 số 03
- Biểu số 2.7: Chứng từ ghi sổ số 15/04
- Biểu số 2.8: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 04/2010
- Biểu số 2.9: Sổ cái TK 632

Biểu số 2.6: Phiếu kế toán quyền 4 số 03

Đơn vị: Chi nhánh công ty TNHH Đích Chính

Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Quyền 04

Ngày 06 tháng 04 năm 2010

Số 03

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Doanh thu sửa chữa xe nâng hàng	131	511	21.000.000			
2	Thuế GTGT đầu ra	131	3331	2.100.000			
2	Sửa chữa xe nâng hàng Fantuzi - BD	632	156	16.000.000			
	Cộng			39.100.000			

Ngày 06 tháng 4 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.7: Chứng từ ghi sổ số 15/04

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 15/04

Ngày 06 tháng 04 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Doanh thu sửa chữa xe nâng hàng	131	511	21.000.000	
Thuế GTGT đầu ra	131	3331	2.100.000	
Giá vốn sửa chữa xe nâng hàng Fantuzi	632	156	16.000.000	
Cộng			39.100.000	

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 06 tháng 04 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.8: Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ tháng 04/2010

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng: 4/2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1
...
15/04	06/4	39.100.000
...
68/04	29/4	162.970.926
69/04	29/4	350.923.089
70/04	29/4	100.937
71/04	29/4	162.970.926
72/04	29/4	10.476.021
73/04	29/4	36.540.000
...
79/04	29/4	11.338.648
80/04	29/4	11.338.648
81/04	29/4	34.015.944
Cộng tháng		1.577.395.695

- Sổ này có 05 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 05

- Ngày mở sổ: 01/04

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đánh dấu)

Biểu số 2.9: Sổ Cái TK 632

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Dịch Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Tháng : 4/2010

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ			-	
			...				
06/4	15/04	06/4	Giá vốn sửa chữa xe nâng hàng	156	16.000.000		
...	
29/4	71/04	29/4	Kết chuyển giá vốn	911		162.970.926	
			- Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ		162.970.926	162.970.926	

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang 01 số đến trang 02

- Ngày mở sổ: 01/04/1010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Ví dụ 2.3: Ngày 25 tháng 4 năm 2010, căn cứ vào Sổ hạch toán chi tiết của ngân hàng Vietcombank chi nhánh Lê Chân, Hải Phòng, chi nhánh công ty TNHH Dích Chính nhận lãi tiền gửi là 30.366 đ.

Các chứng từ sổ sách liên quan:

- Biểu số 2.10: Giấy báo có của NH Vietcombank
- Biểu số 2.11: Chứng từ ghi sổ số 46/04
- Biểu số 2.12: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 04/2010
- Biểu số 2.13: Sổ cái TK 515 tháng 4/2010

Biểu số 2.10: Giấy báo có của NH Vietcombank

Ngân hàng Vietcombank
Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ
Ngày 25-04-2010

Mã GDV
Mã KH :20041
Số GD

Kính gửi: Chi nhánh công ty TNHH Đích Chính
Mã số thuế: 0200542000

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 659421

Số tiền bằng số: 30.366

Số tiền bằng chữ: BA MƯƠI NGÀN BA TRĂM SÁU MƯƠI SÁU ĐỒNG.

Nội dung: GHI NHẬN LÃI TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG.

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.11: Chứng từ ghi sổ số 46/04

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 46/04

Ngày 25 tháng 04 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Nhận lãi tiền gửi từ NH Vietcombank	112	515	30.366	
Cộng			30.366	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 25 tháng 04 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.12: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 04/2010

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng: 4/2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1
...
46/04	25/4	30.366
...
68/04	29/4	162.970.926
69/04	29/4	350.923.089
70/04	29/4	100.937
71/04	29/4	162.970.926
72/04	29/4	10.476.021
73/04	29/4	36.540.000
...
79/04	29/4	11.338.648
80/04	29/4	11.338.648
81/04	29/4	34.015.944
Cộng tháng		1.577.395.695

- Sổ này có 05 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 05
- Ngày mở sổ: 01/04

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đánh dấu)

Biểu số 2.13: Sổ cái TK 515 tháng 4/2010

Đơn vị: Chi nhánh Cty TNHH Dịch Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Tháng : 4/2010

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ			-	
25/4	46/04	25/4	Lãi tiền gửi NH Vietcombank	112.1		30.366	
			...				
29/4	70/04	29/4	Kết chuyển doanh thu HĐTC	911	100.937		
			- Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ		100.937	100.937	

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang 01 số đến trang 01.

- Ngày mở sổ: 25/04/1010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.3. Chi phí tài chính

Ví dụ 2.4: Ngày 28 tháng 04 năm 2010, ngân hàng Vietcombank chi nhánh Lê Chân, Hải Phòng thu nợ gốc, số tiền 3.047.236 đ.

Các chứng từ sổ sách sử dụng:

- Biểu số 2.14: Giấy báo Nợ ngày 29/04/2010 của NH Vietcombank
- Biểu số 2.15: Chứng từ ghi sổ số 62/04
- Biểu số 2.16: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 04/2010
- Biểu số 2.17: Sổ cái TK 635

Biểu số 2.14: Giấy báo nợ ngày 29/04/2010 của NH Vietcombank

Ngân hàng Vietcombank

Hải Phòng

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 29-04-2010

Mã GDV

Mã KH :20041

Số GD

Kính gửi: Chi nhánh công ty TNHH Đích Chính

Mã số thuế: 0200542000

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 844522

Số tiền bằng số: 3.047.236

Số tiền bằng chữ: BA TRIỆU KHÔNG TRĂM BỐN MƯƠI BẢY NGÀN
HAI TRĂM BA MƯƠI SÁU ĐỒNG.

Nội dung: THU NỢ GỐC.

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.15: chứng từ ghi sổ số 62/04

Đơn vị: Chi nhánh Cty TNHH Dịch Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 62/04

Ngày 29 tháng 04 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
NH Vietcombank thu nợ gốc	635	112	3.047.236	
Cộng			3.047.236	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.16: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 04/2010

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng: 4/2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1
...
62/04	29/4	3.047.236
...
68/04	29/4	162.970.926
69/04	29/4	350.923.089
70/04	29/4	100.937
71/04	29/4	162.970.926
72/04	29/4	10.476.021
73/04	29/4	36.540.000
...
79/04	29/4	11.338.648
80/04	29/4	11.338.648
81/04	29/4	34.015.944
Cộng tháng		1.577.395.695

- Sổ này có 05 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 05
- Ngày mở sổ: 01/04

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đánh dấu)

Biểu số 2.17: Sổ cái TK 635 tháng 04/2010

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Dịch Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Tháng : 4/2010

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: 635

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ		-		
29/4	62/04	29/4	NH Vietcombank thu nợ gốc	112	3.047.236		
			
29/4	72/04	29/4	Kết chuyển chi phí tài chính	911		10.476.021	
			- Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ		10.476.021 -	10.476.021	

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang 01 số đến trang 01.

- Ngày mở sổ: 29/04/1010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng

Ví dụ 2.4: Ngày 29 tháng 04 năm 2010, trả lương cho bộ phận bán hàng là 31.080.000 đ.

Căn cứ vào bảng chấm công tháng 04 năm 2010 của bộ phận bán hàng, kế toán lập phiếu chi ---> Kế toán trưởng duyệt chi ---> Thủ quỹ xuất quỹ chi trả.

Căn cứ vào Phiếu chi, Kế toán định khoản và vào Chứng từ ghi sổ. Cuối tháng, kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái các tài khoản liên quan.

Các chứng từ sổ sách liên quan:

- Biểu số 2.18: Phiếu chi quyền 4 số 25
- Biểu số 2.19: Chứng từ ghi sổ số 61/04
- Biểu số 2.20: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 04/2010
- Biểu số 2.21: Sổ cái TK 641

Biểu số 2.18: Phiếu chi quyển 4 số 25

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số: 02-TT
 (Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Quyển số: 04

Số: 25

Nợ: 152, 133

Có: 111

PHIẾU CHI

Ngày 29 tháng 04 năm 2010

Họ và tên người nhận tiền: Vũ Thị Dung.

Địa chỉ: Phòng kế toán.

Lý do chi: Thanh toán tiền lương tháng 04/2010 cho bộ phận bán hàng.

Số tiền: 31.080.000 (VNĐ) . (Viết bằng chữ) **Ba mươi một triệu không trăm tám mươi ngàn đồng./.**

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Ngày 29 tháng 04 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): **Ba mươi một triệu không trăm tám mươi ngàn đồng./.**

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý)

+ Số tiền quy đổi

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 2.19: Chứng từ ghi sổ số 61/04

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 61/04

Ngày 29 tháng 04 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Thanh toán tiền lương tháng 4/2010 cho bộ phận bán hàng	641	111	31.080.000	
Cộng			31.080.000	

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Ngày 29 tháng 04 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.20: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 04/2010

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02b-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng: 4/2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1
...
61/04	29/4	31.080.000
...
68/04	29/4	162.970.926
69/04	29/4	350.923.089
70/04	29/4	100.937
71/04	29/4	162.970.926
72/04	29/4	10.476.021
73/04	29/4	36.540.000
...
79/04	29/4	11.338.648
80/04	29/4	11.338.648
81/04	29/4	34.015.944
Cộng tháng		1.577.395.695

- Sổ này có 05 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 05

- Ngày mở sổ: 01/04

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đánh dấu)

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Tháng : 4/2010

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ		-	-	
			...				
29/4	61/04	29/4	Thanh toán tiền lương tháng 4/2010 cho bộ phận BH	111	31.080.000		
...	
29/4	73/04	29/4	Kết chuyển chi phí BH	911		36.540.000	
			- Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ		36.540.000 -	36.540.000	

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang 01 số đến trang 01

- Ngày mở sổ: 25/04/1010

Ngày 29 tháng 04 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.5. Kế toán quản lý doanh nghiệp

Ví dụ 2.5 : Ngày 25 tháng 04 năm 2010, chi tiền mua bia, chè, thuốc lá về tiếp khách theo hóa đơn bán lẻ số 021089.

Căn cứ vào hoá đơn bán lẻ số 021089, kế toán lập phiếu chi ---> Kế toán trưởng duyệt chi ---> Thủ quỹ xuất quỹ chi trả.

Căn cứ vào Phiếu chi, Kế toán định khoản và vào Chứng từ ghi sổ. Cuối tháng, kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái các tài khoản liên quan.

Các chứng từ, sổ sách liên quan:

- Biểu số 2.22: Hóa đơn bán lẻ số 020189
- Biểu số 2.23: Phiếu chi quyền 04 số 08
- Biểu số 2.24: Chứng từ ghi sổ số 48/04
- Biểu số 2.25: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 04/2010
- Biểu số 2.26: Sổ cái TK 642

Biểu số 2.22: Hóa đơn bán lẻ số 020189

Đơn vị: Cửa hàng bách hóa Hương Hiếu
Địa chỉ: 21, Trần Phú

HÓA ĐƠN BÁN LẺ

Ngày 25 tháng 04 năm 2010

Số: 020189

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Phương

Địa chỉ: Chi nhánh công ty TNHH Đích Chính

STT	Tên hàng & quy cách phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bia TIGER	Thùng	01	250.500	250.500
2	Thuốc lá GOLD	Bao	06	15.000	90.000
3	Chè	Kg	02	12.000	24.000
	Cộng				384.500

Số tiền viết bằng chữ: **Ba trăm tám mươi tư ngàn năm trăm đồng./.**

Ngày 25 tháng 04 năm 2010

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Người bán hàng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.23: Phiếu chi quyền 04 số 08

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số: 02-TT
Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 25 tháng 04 năm 2010

Quyển số: 04
Số: 08
Nợ: 642
Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Phương

Địa chỉ: Phòng Hành chính - chi nhánh công ty TNHH Đích Chính

Lý do chi: Thanh toán tiền mua bia, chè, thuốc lá tiếp khách

Số tiền: 374.500 đ. (viết bằng chữ) : **Ba trăm tám mươi tư ngàn năm trăm đồng./.**

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 25 tháng 04 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): **Ba trăm tám mươi tư ngàn năm trăm đồng./.**

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý)

+ Số tiền quy đổi

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 2.24: Chứng từ ghi sổ số 48/04

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02a-DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 48/04

Ngày 25 tháng 04 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Mua bia, chè, thuốc lá để tiếp khách	642	111	384.500	
Cộng			384.500	

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 25 tháng 04 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.25: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02b-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng: 4/2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1
...
48/04	25/4	384.500
...
68/04	29/4	162.970.926
69/04	29/4	350.923.089
70/04	29/4	100.937
71/04	29/4	162.970.926
72/04	29/4	10.476.021
73/04	29/4	36.540.000
...
79/04	29/4	11.338.648
80/04	29/4	11.338.648
81/04	29/4	34.015.944
Cộng tháng		1.577.395.695

- Sổ này có 05 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 05

- Ngày mở sổ: 01/04

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đánh dấu)

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Tháng : 4/2010

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			-Số dư đầu kỳ		-	-	
			-Số phát sinh trong kỳ				
25/4	48/04	25/4	Mua bia, chè, thuốc lá để tiếp khách	111	384.500		
29/4	57/04	29/4	Thanh toán tiền điện tháng 4/2010	111	266.500		
29/4	58/04	29/4	Thanh toán tiền điện thoại tháng 4/2010	111	1.635.764		
...	
29/4	74/04	29/4	Kết chuyển chi phí QLDN	911		37.076.000	
			-Cộng số phát sinh		37.076.000	37.076.000	
			-Số dư cuối kỳ		-		

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang 01 số đến trang 01

- Ngày mở sổ: 25/04/1010

Ngày 29 tháng 04 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ví dụ 2.7: Ngày 29 tháng 04 năm 2010 thanh toán tiền điện thoại tháng 4 cho Viễn thông Hải Phòng theo hóa đơn dịch vụ viễn thông số 049441.

- Căn cứ vào hóa đơn Dịch vụ viễn thông số 049441, Kế toán ghi phiếu chi, Thủ quỹ xuất quỹ trả tiền.

- Căn cứ vào Phiếu chi, Kế toán định khoản, vào Chứng từ ghi sổ và Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Cuối tháng, Kế toán phản ánh các nghiệp vụ trong tháng vào Sổ cái các tài khoản liên quan.

Chứng từ, sổ sách liên quan:

- Biểu số 2.27: Hóa đơn dịch vụ viễn thông (GTGT) số 049441
- Biểu số 2.28: Phiếu chi quyền 04 số 10
- Biểu số 2.29: Chứng từ ghi sổ số 58/04
- Biểu số 2.30: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 04/2010
- Sổ cái TK 642: biểu số 2.26

Mẫu số: 01 GTKT2/001

Ký hiệu: AA/11P

Số: 049441

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)

Liên 2 : Giao cho khách hàng

Ngày 29 tháng 04 năm 2010

Mã số thuế:

Viễn Thông : Hải Phòng – TT Dịch vụ khách hàng

Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Tên khách hàng: Chi nhánh công ty TNHH Đích Chính

Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, Hải Phòng

Số điện thoại:..... Mã số:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt. MST:

Kỳ cước tháng: 4/2010

STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
	a- Cước dịch vụ viễn thông				1.487.058
	b- Cước DVVT không thuế				0
	c- Chiết khấu + Đa DV				0
	d- Khuyến mãi				0
	e- Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				0
Cộng tiền dịch vụ					1.487.058
Tiền thuế GTGT (10%)					148.706
Tổng cộng					1.635.764

Số tiền bằng chữ: **Một triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi bốn đồng./.**

Người nộp tiền ký

Ngày 29 tháng 04 năm 2010

Nhân viên giao dịch ký

Biểu số 2.28: Phiếu chi quyền 04 số 10

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số: 02-TT
Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 29 tháng 04 năm 2010

Quyển số: 04
Số: 10
Nợ: 642, 133
Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Chi nhánh công ty TNHH Đích Chính.

Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại.

Số tiền: 1.635.764 (viết bằng chữ) : **Một triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi bốn đồng./.**

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 29 tháng 04 năm 2010.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : **Một triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi bốn đồng./.**

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý)

+ Số tiền quy đổi

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 2.29: Chứng từ ghi sổ số 48/04

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 58/04

Ngày 29 tháng 04 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Thanh toán tiền điện thoại tháng 04/2010	642	111	1.487.058	
Thuế GTGT đầu vào	642	133	148.706	
Cộng			1.635.764	

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 4 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.30: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 04/2010

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Dịch Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng: 4/2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1
...
58/04	29/4	1.635.764
...
68/04	29/4	162.970.926
69/04	29/4	350.923.089
70/04	29/4	100.937
71/04	29/4	162.970.926
72/04	29/4	10.476.021
73/04	29/4	36.540.000
...
79/04	29/4	11.338.648
80/04	29/4	11.338.648
81/04	29/4	34.015.944
Cộng tháng		1.577.395.695

- Sổ này có 05 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 05
- Ngày mở sổ: 01/04

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đánh dấu)

2.2.2.6. Thu nhập khác và chi phí khác

Ví dụ 2.8: Ngày 24 tháng 04 năm 2010, chi nhánh công ty TNHH Đích Chính đã nhượng bán xe ô tô tải mang biển kiểm soát 16L-8973 theo hóa đơn GTGT số 0120028, số tiền 19.500.000 đ, VAT 10%.

Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Biểu số 2.31: Hóa đơn GTGT liên 3 số 0120028
- Biểu số 2.32: Phiếu thu quyền 04 số 27
- Biểu số 2.33: Chứng từ ghi sổ số 43/04
- Biểu số 2.34: Chứng từ ghi sổ số 44/04
- Biểu số 2.35: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 04/2010
- Biểu số 2.36: Sổ cái TK 711
- Biểu số 2.37: Sổ cái TK 811

Biểu số 2.31: Hóa đơn giá trị gia tăng liên 3 số 0120028

Mẫu số: 01 GTKT – 3LL
PT/ 2010B 0120028

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ
Ngày 24 tháng 04 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Chi nhánh công ty TNHH Đích Chính

Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, Hải Phòng.

Điện thoại:..... MS:.....

Họ tên người mua hàng: Phạm Văn Thành.

Đơn vị:

Địa chỉ: Kiến Thụy, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt. MS:.....

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Xe ô tô tải 16N-8973	Chiếc	01	17.727.273	17.727.273
Cộng tiền hàng					17.727.273
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					1.772.727
Tổng thanh toán					19.500.000

Số tiền bằng chữ: **Mười chín triệu năm trăm ngàn đồng./.**

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Người bán hàng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.32: Phiếu thu quyền 04 số 27

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số 01-TT
 (Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Quyền số:04

Số: 27

Nợ: 111

Có: 711, 3331

PHIẾU THU

Ngày 24 tháng 04 năm 2010

Họ và tên người nộp tiền:

Địa chỉ:.....

Lý do nộp: Nợ bán xe ô tô tải 16N-8973.....

Số tiền: 19.500.000.(viết bằng chữ): **Mười chín triệu năm trăm ngàn đồng./.**

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 24 tháng 04 năm 2010.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) . **Mười chín triệu năm trăm ngàn đồng./.**

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý)

+ Số tiền quy đổi

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 2.33: Chứng từ ghi sổ số 43/04

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02a-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 43/04

Ngày 24 tháng 04 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Nhượng bán xe ô tô tải 16N-8973	111	711	17.727.273	
Thuế GTGT đầu ra	111	3331	1.772.727	
Cộng			19.500.000	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Người lập
 (Ký, họ tên)

Ngày 24 tháng 4 năm 2010
Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.34: Chứng từ ghi sổ số 44/04

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 44/04

Ngày 24 tháng 04 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Nhượng bán xe ô tô tải 16N-8973	214	211	41.845.058	
	811	211	76.336.760	
Cộng			118.181.818	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 24 tháng 4 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.35: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 04/2010

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng: 4/2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1
...
43/04	24/4	19.500.000
44/04	24/4	118.181.818
...
69/04	29/4	350.923.089
70/04	29/4	100.937
71/04	29/4	162.970.926
72/04	29/4	10.476.021
73/04	29/4	36.540.000
...
79/04	29/4	11.338.648
80/04	29/4	11.338.648
81/04	29/4	34.015.944
Cộng tháng		1.577.395.695

- Sổ này có 05 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 05

- Ngày mở sổ: 01/04

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đánh dấu)

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Tháng : 4/2010

Tên tài khoản: Doanh thu khác

Số hiệu: 711

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			- Số dư đầu kỳ			-	
			- Số phát sinh trong kỳ				
24/4	43/04	24/4	Nhượng bán xe ô tô tải 16N-8973	111		17.727.273	
29/4	75/04	29/4	K/C doanh thu khác	911	17.727.273		
			- Cộng số phát sinh		17.727.273	17.727.273	
			- Số dư cuối kỳ			-	

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang 01 số đến trang 01.

- Ngày mở sổ: 24/04/1010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.37: Sổ cái TK 811 tháng 04/2010

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02c1-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Tháng : 4/2010

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			- Số dư đầu kỳ		-		
			- Số phát sinh trong kỳ				
24/4	44/04	24/4	Nhượng bán xe ô tô tải 16N-8973	211	76.336.760		
29/4	76/04	29/4	K/C chi phí khác	911		76.336.760	
			- Cộng số phát sinh		76.336.760	76.336.760	
			- Số dư cuối kỳ		-		

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang 01 số đến trang 01.

- Ngày mở sổ: 24/04/1010

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.7. Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp

Ví dụ 2.9: Xác định chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp tháng 04 năm 2010 của chi nhánh công ty TNHH Đích Chính.

Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Biểu số 2.38: Phiếu kế toán số 10
- Biểu số 2.39: Chứng từ ghi sổ số 79/04
- Biểu số 2.40: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 04/2010
- Biểu số 2.41: Sổ cái TK 821

Biểu số 2.38: Phiếu kê toán quyền 04 số 10

Đơn vị: Chi nhánh công ty TNHH Đích Chính

Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

PHIẾU KÊ TOÁN

Quyển 04

Ngày 29 tháng 04 năm 2010

Số 10

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định thuế TNDN 4/2010	821	3334	11.338.648			
	Cộng			11.338.648			

Ngày 29 tháng 4 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.39: Chứng từ ghi sổ số 79/04

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02a-DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 79/04

Ngày 29 tháng 04 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp	821	3334	11.338.648	
Cộng			11.338.648	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 4 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.40: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 04/2010

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng: 4/2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1
...
68/04	29/4	162.970.926
69/04	29/4	350.923.089
70/04	29/4	100.937
71/04	29/4	162.970.926
72/04	29/4	10.476.021
73/04	29/4	36.540.000
...
79/04	29/4	11.338.648
...
Cộng tháng		1.577.395.695

- Sổ này có 05 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 05

- Ngày mở sổ: 01/04

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010

Giám đốc

(Ký, họ tên, đánh dấu)

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Tháng : 4/2010

Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN

Số hiệu: 821

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			-Số dư đầu kỳ		-		
			-Số phát sinh trong kỳ				
29/4	79/04	29/4	Xác định thuế TNDN	3334	11.338.648		
29/4	80/04	29/4	K/c chi phí thuế TNDN tháng 04/2010	911		11.338.648	
			-Cộng số phát sinh		11.338.648	11.338.648	
			-Số dư cuối kỳ		-		

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang 01 số đến trang 01.

- Ngày mở sổ: 24/04/1010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.8. Xác định kết quả kinh doanh

Ví dụ 2.10: Xác định kết quả kinh doanh tháng 4/2010 của chi nhánh công ty TNHH Đích Chính.

Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Biểu số 2.42: Phiếu kế toán quyền 4 số 11
- Biểu số 2.43: Chứng từ ghi sổ số 81/04
- Biểu số 2.44: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 04/2010
- Biểu số 2.45: Sổ cái TK 911
- Biểu số 2.46: Sổ cái TK 421
- Biểu số 2.47: Báo cáo kết quả kinh doanh tháng 4/2010

Biểu số 2.42: Phiếu kế toán quyền 4 số 11

Đơn vị: Chi nhánh công ty TNHH Đích Chính

Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Quyển 04

Ngày 29 tháng 04 năm 2010

Số 11

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lãi tháng 4/2010	911	421	34.015.944			
	Cộng			34.015.944			

Ngày 29 tháng 4 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.43: Chứng từ ghi sổ số 74

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Đích Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02a-DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 81/04

Ngày 29 tháng 04 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Kết chuyển lãi	911	421	34.015.944	
Cộng			34.015.944	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.44: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 04/2010

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Dịch Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02b-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng: 4/2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1
...
68/04	29/4	162.970.926
69/04	29/4	350.923.089
70/04	29/4	100.937
71/04	29/4	162.970.926
72/04	29/4	10.476.021
73/04	29/4	36.540.000
...
79/04	29/4	11.338.648
80/04	29/4	11.338.648
81/04	29/4	34.015.944
Cộng tháng		1.577.395.695

- Sổ này có 05 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 05

- Ngày mở sổ: 01/04

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đánh dấu)

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Dịch Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02c1-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Tháng : 4/2010

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ				
29/4	69/04	29/4	Kết chuyển doanh thu	511		350.923.089	
29/4	70/04	29/4	Kết chuyển DT HĐTC	635		100.937	
29/4	71/04	29/4	K/c giá vốn	632	162.970.926		
...	
29/4	80/04	29/4	K/c thuế TNDN	821	11.338.648		
29/4	81/04	29/4	Kết chuyển lãi	421	34.015.944		
			- Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ		368.751.299	368.751.299	

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ: 29/04/2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.46: Sổ cái TK 421 tháng 04/2010

Đơn vị: Chi nhánh cty TNHH Dịch Chính
Địa chỉ: 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán chứng từ ghi sổ)

Tháng : 4/2010

Tên tài khoản: Lãi chưa phân phối

Số hiệu: 421

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ				
29/4	81/04	29/4	Kết chuyển lãi	911		34.015.944	
			- Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ		-	34.015.944	

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ: 29/04/2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 04 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.47: Báo cáo kết quả kinh doanh tháng 04/2010

Chi nhánh công ty TNHH Đích Chính

Mẫu số B02-DN

Số 178, Hai Bà Trưng, Lê Chân, HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tháng 4 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	29/04/2010	01/04/2010
1		2	3	4	5
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.11	350.923.089	
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		350.926.089	
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.12	162.970.926	
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		187.955.163	
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.13	100.937	
7.	Chi phí tài chính	22	VI.14	10.476.021	
-	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			
8.	Chi phí bán hàng	24		36.540.000	
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		37.076.000	
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		103.964.079	
11.	Thu nhập khác	31		17.727.273	
12.	Chi phí khác	32		76.336.760	
13.	Lợi nhuận khác	40		(58.609.487)	
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		45.354.592	
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		11.338.648	
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34.015.944	
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Ngày 29 tháng 04 năm 2010

Kế toán

Giám đốc

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH ĐÍCH CHÍNH

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Đích Chính

3.1.1 Ưu điểm

Về tổ chức bộ máy kế toán: Hệ thống kế toán của công ty đã đi vào nề nếp được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty, phản ánh đầy đủ nội dung hạch toán, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý. Công ty đã xác định quy chế làm việc rõ ràng, chức năng nhiệm vụ quyền hạn của từng bộ phận trong công ty từ giám đốc đến các phòng ban trong công ty. Mỗi nhân viên kế toán đều có tinh thần trách nhiệm cao nắm vững chính sách chế độ của của nhà nước cũng như nhiệm vụ của mình, làm việc nhiệt tình có kế hoạch, có tinh thần tương trợ giúp đỡ nhau, tạo điều kiện cho mọi người có khả năng đi sâu tìm hiểu, nâng cao nhiệm vụ phát huy hết khả năng sức lực của mình.

Về tổ chức công tác hạch toán kế toán: Chi nhánh Công ty luôn chấp hành đầy đủ các chính sách và chế độ kế toán của nhà nước, tổ chức mở các sổ kế toán hợp lý. Tại phòng kế toán của Chi nhánh, khi phát sinh các nghiệp vụ kế toán nói chung, các nghiệp vụ về doanh thu nói riêng thì các chứng từ đều được lập đầy đủ, được theo dõi thường xuyên và chặt chẽ. Chứng từ được lập đều có đầy đủ chữ ký của người liên quan, sử dụng đúng mẫu của Bộ tài chính. Việc sử dụng và luân chuyển chứng từ tại Chi nhánh công ty là hợp lý, gọn nhẹ; đồng thời vẫn đáp ứng được yêu cầu quản lý của nghiệp vụ.

Về hệ thống tài khoản sử dụng : Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ tài chính, chuẩn mực kế toán thống nhất theo quy định pháp luật. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán, các tài khoản theo từng phần hành kế

toán phù hợp với hình thức kinh doanh của doanh nghiệp để cung cấp thông tin tài chính một cách chính xác và nhanh nhất.

Về hệ thống sổ sách kế toán : Chi nhánh công ty áp dụng hình thức sổ kế toán “**Chứng từ ghi sổ**”, các chứng từ gốc, các loại sổ sử dụng được tuân thủ theo quy định chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất. Các sổ sách kế toán và ghi chép số liệu một cách trung thực, đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán của các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác có liên quan. Đảm bảo cho việc kiểm soát, bảo quản một cách dễ dàng và nhanh chóng.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên thì Chi nhánh công ty còn một số mặt hạn chế sau nhất định cần khắc phục.

Về quá trình luân chuyển chứng từ: Chứng từ kế toán rất quan trọng trong công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng. Vì việc tập hợp luân chuyển chứng từ do chưa có quy định cụ thể về thời gian nộp chứng từ của các bộ phận đến phòng tài chính - kế toán để xử lý hạch toán nên dẫn đến việc kỳ sau mới xử lý được, do đó, thường có tình trạng quá tải công việc vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm khi chứng từ cùng về một lúc.

Về hệ thống sổ kế toán: Kế toán không mở sổ, thẻ kế toán chi tiết các tài khoản. Vì vậy đã làm cho kế toán gặp khó khăn trong việc đối chiếu số liệu của kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết.

Về phương thức hạch toán kế toán: Trong điều kiện kinh tế thị trường, tình trạng kinh doanh của doanh nghiệp luôn biến đổi về quy mô, ngành nghề trong lĩnh vực kinh doanh, cách thức quản lý, cách thức kinh doanh, hạch toán.... Hơn nữa nhu cầu quản lý nhà nước về tài chính, thuế, ngân hàng, cũng như yêu cầu quản lý của Chi nhánh công ty đòi hỏi thông tin cần thiết phải nhanh chóng, chính xác và hiệu quả. Vậy phần mềm kế toán mới đáp ứng tốt hơn và nâng cao chất lượng thông tin được cung cấp.

Hiện nay, Công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính nhưng công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán chỉ làm kế toán Excell, Word mất khá nhiều thời gian, đôi khi còn có sự sai lệch nhầm lẫn về số liệu.

Về chính sách ưu đãi trong cung cấp dịch vụ: Trong quá trình cung cấp dịch vụ, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng, nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn lớn lôi cuốn khách hàng: luôn muốn sử dụng những dịch vụ tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy, việc không áp dụng những chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sử dụng dịch vụ, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ làm giảm số lượng khách hàng trong việc sử dụng dịch vụ của Chi nhánh công ty, do đó dẫn đến việc làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Đích Chính

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của công ty vẫn còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty như sau:

3.2.1. Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán

Việc hoàn thiện về sổ sách kế toán tại Chi nhánh công ty TNHH Đích Chính cũng không quá phức tạp và nó sẽ giúp cho việc quản lý và đưa ra quyết định kinh doanh của lãnh đạo công ty hiệu quả hơn, chính xác hơn.

- Mở sổ, thẻ kế toán chi tiết: Sổ chi tiết bán hàng.
- Từ đó có thể tổng hợp số liệu vào Bảng tổng hợp chi tiết để dễ đối chiếu sổ cái tài khoản.

Mẫu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):

Năm:.....

Quyển số:.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531,532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

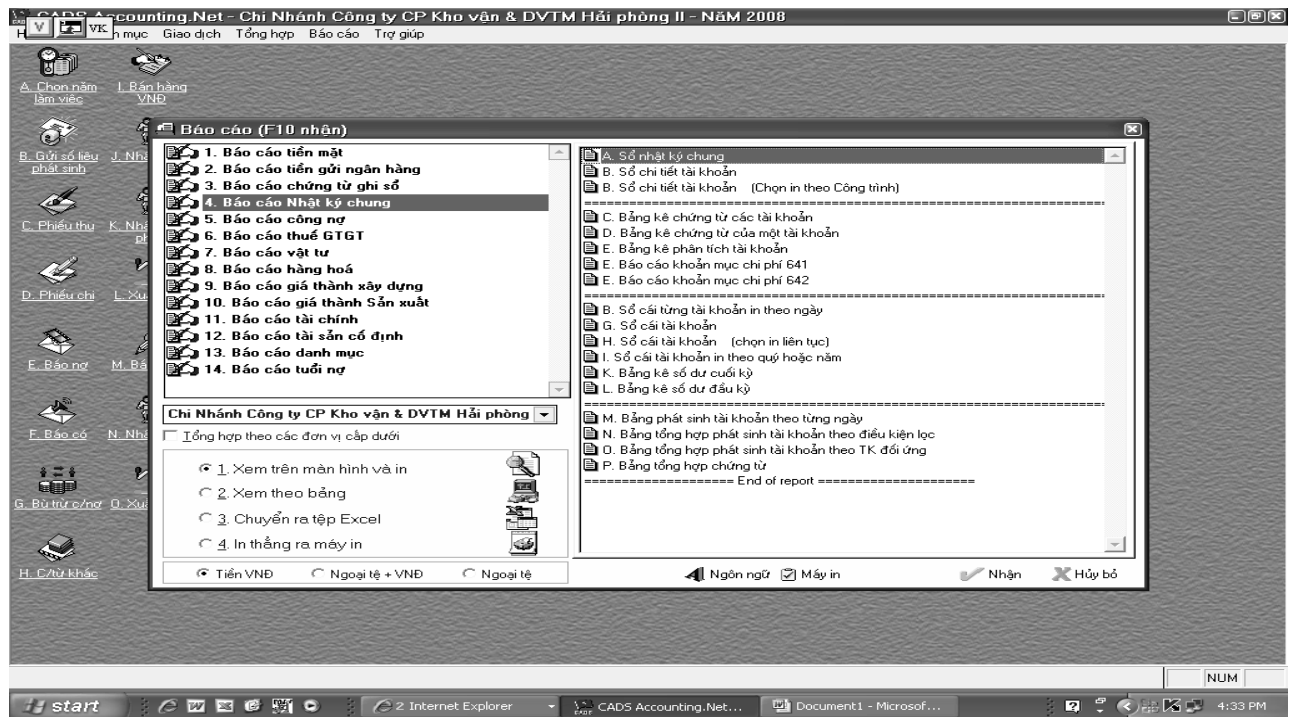
3.2.2. Hiện đại hoá công tác kế toán và đội ngũ kế toán

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động tại bộ phận kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu kế toán một cách đơn điệu, nhàm chán, mệt mỏi để họ giành thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, bán hàng và cung cấp dịch vụ, Chi nhánh công ty nên trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Chi nhánh công ty. Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán, giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu. Phần mềm kế toán ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm. Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư (Thông tư 103/2005/TT – BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”) hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán Fast của công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast.
- Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft
- Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa
- Phần mềm SAS-INNOVA của công ty Cổ phần SIS Việt Nam.
- Phần mềm CADS - Accounting.Net

Ví dụ ứng dụng của phần mềm kế toán: Phần mềm CADS - Accounting.Net- Chi nhánh Công ty CP Kho vận – DVTM Hải phòng II.



3.2.3. Khuyến khích những chính sách ưu đãi khách hàng trong quá trình tiêu thụ hàng hoá và cung cấp dịch vụ

Để thu hút được khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng được doanh thu, tăng lợi nhuận. Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với hình thức chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán hoặc giảm giá hàng bán.

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

- Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty có thể giảm giá hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị hợp đồng.
- Đối với khách hàng lần đầu mua hàng, mua với số lượng lớn công ty nên áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút khách hàng mới, tạo lợi thế cạnh tranh với sản phẩm cùng loại của các doanh nghiệp khác.

3.2.4. Mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá của Chi nhánh công ty TNHH

Đích Chính

Thị trường là yếu tố quyết định của quá trình kinh doanh hàng hoá, dịch vụ. Do đó để nâng cao hiệu quả kinh doanh, Chi nhánh công ty cần có sách lược, chiến lược mở rộng thị trường, đẩy mạnh quá trình tiêu thụ. Khó khăn lớn nhất hiện nay

của Chi nhánh công ty là sự cạnh tranh của các đơn vị nhỏ lẻ, không đảm bảo chất lượng, giá cả thường cao; vì vậy Chi nhánh công ty phải thay đổi kế hoạch trong công tác kinh doanh sao cho vừa đáp ứng nhu cầu về lượng cho mọi khách hàng và vừa đảm bảo về giá cả trên thị trường mà vẫn đảm bảo được chất lượng các dịch vụ cung cấp.

Lãnh đạo Chi nhánh công ty cần có những chính sách, biện pháp giới thiệu sản phẩm của mình thông qua chính sách quảng cáo để qua đó phát triển thị trường tiêu thụ. Để góp phần nâng cao hiệu quả quảng cáo, Chi nhánh công ty phải nghiên cứu kỹ, tiến hành thăm dò thái độ của khách hàng, điều quan trọng cuối cùng phải đánh giá hiệu quả kinh tế của quảng cáo bằng cách so sánh chi phí bỏ ra với hiệu quả quảng cáo đem lại.

3.2.5. Chuyển sang áp dụng chế độ kế toán theo QĐ 48/2006

Chi nhánh Công ty TNHH Đích Chính là một doanh nghiệp nhỏ, chi nhánh công ty chuyên cầu và vận tải các loại máy móc, thiết bị vật tư phục vụ cho các công trình xây dựng, cung cấp thiết bị vật tư phục vụ cho ngành xây dựng và quản lý đô thị ..., bộ máy quản lý không phức tạp, các khâu đều gọn nhẹ nhằm tiết kiệm chi phí. Vì vậy công ty cũng sử dụng số lượng tài khoản đơn giản.

Hiện nay công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo QĐ 15/2006. Tuy nhiên xuất phát từ thực tế sản xuất và kinh doanh của công ty hiện nay, công ty nên xem xét đến việc chuyển sang áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ 48/2006 do Bộ tài chính ban hành ngày 14/9/2006, áp dụng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Khi chuyển sang chế độ kế toán theo QĐ 48/2006, công ty có thể:

- Hợp lý hệ thống tài khoản: Quyết định 48 gồm 51 tài khoản cấp 1 và 5 tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán (Quyết định 15 có 86 tài khoản cấp 1 và 6 tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán). Do số lượng tài khoản kế toán ít hơn nên kết cấu và nội dung phản ánh của nhiều tài khoản theo Quyết định 48 đơn giản hơn so với các tài khoản tương tự của Quyết định 15 và thuận lợi hơn cho việc ghi chép và phản ánh số liệu các tài khoản.

Ví dụ như các tài khoản sau đơn giản theo QĐ48/2006:

159		Các khoản dự phòng
	1591	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn
	1592	Dự phòng phải thu khó đòi
	1593	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
642		Chi phí quản lý kinh doanh
	6421	Chi phí bán hàng
	6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Hợp lý trong việc lập báo cáo tài chính: Theo quy định 48/2006 cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

+ **Báo cáo tài chính cần lập:**

- Bảng Cân đối kế toán: Mẫu số B01 - DNN
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh Mẫu số B02 - DNN
- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính: Mẫu số B09 - DNN

+ **Báo cáo tài chính gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm phụ biểu:**

- Bảng Cân đối tài khoản: Mẫu số F 01- DNN

+ **Báo cáo khuyến khích lập:**

- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ Mẫu số B03-DNN

KẾT LUẬN

Có thể nói công tác hạch toán kế toán là hết sức quan trọng đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Trong đó công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là bộ phận không thể thiếu được trong toàn bộ công tác kế toán, nó cung cấp số liệu kịp thời cho việc phân tích tình hình hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, phản ánh một cách chính xác đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình bán hàng, cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban giám đốc để hoạch định những chiến lược kinh doanh mới.

Vì vậy mỗi doanh nghiệp cần chú trọng quan tâm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nói chung và hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng để thích ứng với nền kinh tế thị trường ngày càng có sự cạnh tranh gay gắt. Đó chính là yếu tố hết sức cần thiết đối với các doanh nghiệp.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của cô giáo - Th.S Hoàng Thị Nga và các cán bộ Phòng Kế toán - Tài chính của Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Chính đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành bài luận văn này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Phạm Minh Thu